

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 22/5/2018

V/v Tranh chấp về ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiệp Hòa

Các Thẩm phán:

Bà Đoàn thị Thanh Thúy

Bà Lê Thị Thanh Thái

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Bà Võ Thị Phương Linh – kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2018/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 về việc: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/HNGĐ-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 111/2018/QĐ-PT ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987

Địa chỉ thường trú: Khu phố N, thị trấn T, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận.

Tạm trú: Thôn 2, xã H, huyện HTB, tỉnh Bình Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 23/11/2017 và lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn Phan Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh T cưới nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TN, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận. Sau khi cưới, vợ chồng chị về sống chung với cha mẹ chị, đến năm 2012 thì vợ chồng ở riêng tại

thôn 2, xã H, huyện H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên ăn nhậu và có lời lẽ xúc phạm gia đình chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 15/11/2012. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Thanh T trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị Phan Thị H về hôn nhân và con chung. Theo anh, vợ chồng anh chỉ cãi vã nhau chứ không có mâu thuẫn gì lớn. Anh xác định vẫn còn thương vợ thương con nên yêu cầu được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Anh không đồng ý ly hôn với chị Phan Thị H.

Anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi hòa giải không thành;

Ngày 31/01/2018, Tòa án nhân dân huyện H đưa vụ án ra xét xử tại bản án số 07/2018/HNGĐ-ST, quyết định, áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 70; khoản 4 Điều 91; Điều 96, 143, 144, 145, 146, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Luật thi hành án dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị H đối với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về án phí: Chị Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0014805 ngày 29/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Thuận. Chị Phan Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 23/01/2018, chị Phan Thị H kháng cáo, yêu cầu được ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Phan Thị H vẫn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Thanh T. Theo chị H, vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, anh T thường xuyên ăn nhậu, có lời lẽ xúc phạm cha mẹ chị, hiện nay vợ chồng đã ly thân, tình cảm vợ chồng không còn và không thể chung sống nên chị yêu cầu được ly hôn. Về con chung, hiện nay anh T đang trực tiếp nuôi con, chị yêu cầu được nuôi con sau ly hôn.

Từ đầu phiên tòa đến trước khi kết thúc phần thủ tục hỏi, anh Nguyễn Thanh T xác định vợ chồng chỉ có va chạm nhỏ nên cãi nhau, mỗi lần như vậy chị H bỏ về nhà cha mẹ đẻ, do buồn nên anh mới uống rượu. Anh vẫn còn yêu thương vợ nên yêu cầu được đoàn tụ.

Tuy nhiên, đến phần tranh luận, anh T xác định mặc dù anh còn thương vợ nhưng chị H nói không còn tình cảm, không còn yêu thương anh. Hiện nay hai người đã sống ly thân nên cuộc sống không còn hạnh phúc, anh chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của chị H. Hiện nay anh đang nuôi con chung và yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định, người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật; về nội dung đề nghị sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thuận tình ly hôn của hai đương sự; về việc nuôi con chung, các đương sự có quyền thỏa thuận, trường hợp không thỏa thuận được thì khởi kiện để được giải quyết ở vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của các đương sự, kết quả tranh luận và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Phan Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con. Cả chị H và anh T đều cư trú tại thôn 2, xã Hồng Sơn, huyện H. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp ly hôn, nuôi con và xét xử vụ án là đúng quan hệ tranh chấp và đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[a]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phan Thị H và anh Nguyễn Thanh T đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TN, huyện Hàm TN, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 149 ngày 11/12/2010, việc kết hôn của anh chị không vi phạm điều kiện kết hôn và quy định cấm kết hôn nên quan hệ hôn nhân của họ là hợp pháp theo quy định tại Điều 9, 10, 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

[b]. Về yêu cầu ly hôn:

Chị Phan Thị H và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện kết hôn trên cơ sở yêu thương nhau. Quá trình chung sống họ đã có thời gian hạnh phúc, đã có con chung, cuộc sống chung tuy có cãi vã nhưng chỉ là va chạm nhỏ trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài lý do anh T hay uống rượu và có lời lẽ thiếu chuẩn mực thì quan hệ vợ chồng của anh chị chưa có mâu thuẫn gì lớn. Tại tòa án cấp sơ thẩm, anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và tha thiết được đoàn tụ. Tòa án cấp sơ thẩm tạo điều kiện để anh chị đoàn tụ nên đã không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là có cần thiết.

Tuy nhiên, từ khi xét xử đến nay, chị Phan Thị H và anh Nguyễn Thanh T vẫn sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng không còn thực hiện nghĩa vụ đối với nhau và tại phiên tòa phúc thẩm, anh T cũng xác nhận mặc dù đã cố gắng nhưng không thể hàn gắn tình cảm, không thuyết phục được chị H quay về đoàn tụ. Xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự tự nguyện trên cơ sở yêu thương nhau từ hai phía mới có thể xây dựng gia đình hạnh phúc. Với thực tế cuộc sống vợ chồng của chị H và anh T như hiện tại thì mục đích hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt, cuộc sống chung vợ chồng hiện nay cũng không còn tồn tại nên chị H và anh T tự nguyện thuận tình ly hôn là không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm và phù hợp pháp luật theo Điều 90 Luật hôn nhân và gia đình 2000 nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[c]. Về việc nuôi con chung:

Chị H và anh T có 01 con chung sinh ngày 15/11/2012 hiện do anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết quan hệ nuôi con nên Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở để giải quyết. Chị H và anh T có quyền thỏa thuận việc nuôi con, trường hợp không thỏa thuận được và có tranh chấp thì khởi kiện ở vụ án khác để được giải quyết.

Do Tòa án cấp phúc thẩm công nhận thỏa thuận của các đương sự nên bản án sơ thẩm bị sửa thuộc lỗi khách quan. Chị Phan Thị H không phải chịu án phí phúc thẩm theo khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì những lẽ trên, căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận kháng cáo của chị Phan Thị H, sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2018/HNGĐ-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện H:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 70; khoản 4 Điều 91;

Điều 96, 143, 144, 145, 146, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

– Điều 85, Điều 87, Điều 88, Điều 89 và Điều 90 Luật hôn nhân và gia đình 2000;

– Luật thi hành án dân sự;

– Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

– Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị H: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị H và anh Nguyễn Thanh T.

– Về án phí: Chị Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0014805 ngày 29/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Thuận. Chị Phan Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Phan Thị H không phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm và được hoàn lại số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0014955 ngày 09/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 22/5/2018.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện H;
- THADS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hiệp Hòa